

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN ĐAN PHƯỢNG
THÀNH PHỐ HÀ NỘI**

Bản án số:16/2018/HNGĐ - ST

Ngày 24/7/2018

V/v Tranh chấp Hôn nhân và gia đình

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do- Hạnh phúc**

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐAN PHƯỢNG, THÀNH PHỐ HÀ NỘI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Thu

Các Hội thẩm nhân dân: - Bà Lê Thị Như Hoa

- Bà Nguyễn Thị Chiều

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Trí Tuân – Thẩm tra viên Tòa án nhân dân huyện Đan Phượng

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đan Phượng, thành phố Hà Nội tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thanh Dung - Kiểm sát viên.

Ngày 24 tháng 7 năm 2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đan Phượng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 108/2018/TLST-HNGĐ ngày 01 tháng 6 năm 2018 về tranh chấp Hôn nhân và gia đình. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số:18/2018/QĐXX - ST ngày 06 tháng 7 năm 2018, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Chị Trần Thị Thu H, sinh năm 1992

Nơi cư trú: Cụm 12, xã Th, huyện Đ, Thành phố Hà Nội (Có mặt)

2. *Bị đơn:* Anh Nguyễn Văn D, sinh năm 1988

Nơi cư trú: Cụm 12, xã Th, huyện Đ, Thành phố Hà Nội (Vắng mặt có đơn đề nghị giải quyết vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 16/5/2018 và trong quá trình tham gia tố tụng tại Tòa án nguyên đơn chị Trần Thị Thu H trình bày: Chị và anh Nguyễn Văn D kết hôn ngày 10/6/2010 tại Ủy ban nhân dân xã Th, huyện Đ, Thành phố Hà Nội trên cơ sở tự nguyện. Trước khi kết hôn, chị và anh D được tự do tìm hiểu nhau khoảng 1 năm. Sau khi kết hôn, chị về chung sống cùng anh D tại gia đình bố đẻ anh D ở xã Th, huyện Đ, Thành phố Hà Nội đến ngày 29/3/2018 âm lịch chị và cháu L, A đã chuyển về nhà bố mẹ đẻ chị sinh sống cho đến nay. Quá trình vợ chồng chung sống cùng nhau thường xuyên xảy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân phát sinh mâu thuẫn, anh D không chăm lo cuộc sống vật chất, tinh thần cho chị và các con chị từ 3 năm trở lại đây; chị và anh D có nhiều bất đồng trong cuộc sống gia đình, cách sống, làm ăn và sự quan tâm chăm sóc lẫn nhau từ nhiều năm nay.

Chị và anh D chính thức sống ly thân nhau từ ngày 29/3/2018 âm lịch, vợ chồng không quan tâm gì đến nhau nữa. Thời gian vợ chồng sống ly thân, anh D có gọi điện thoại cho chị về đoàn tụ nhưng chị không về vì: Chị đã có 02 con riêng với người đàn ông khác nên anh D luôn dọa đánh chị và 2 con riêng của chị là cháu A, cháu L; bố anh D đã không coi chị là con dâu, là vợ của anh D từ nhiều năm nay. Chị xác định tình cảm vợ chồng không còn nên đề nghị tòa án giải quyết được ly hôn anh D.

Về con chung: Chị và anh D có 01 con chung tên cháu Nguyễn Tiến D1, sinh ngày 23/7/2010. Ly hôn chị đồng ý theo nguyện vọng của cháu D1 và anh D.

Thời gian chị và anh D chung sống cùng nhau, chị có 02 con riêng với người đàn ông khác, hai cháu tên là Nguyễn Bảo L, sinh ngày 20/02/2016 và Nguyễn Bảo A, sinh ngày 20/02/2016. Ly hôn chị xin nuôi 2 cháu A, cháu L vì hai cháu không phải là con chung của chị với anh D.

Về tài sản chung, nợ: Không có.

Tại bản tự khai, biên bản lấy lời khai, quá trình tham gia tố tụng tại Tòa án bị đơn anh Nguyễn Văn D trình bày: Về thời gian, điều kiện kết hôn anh nhất trí lời trình bày của chị H. Sau khi kết hôn, anh và chị H chung sống cùng nhau tại nhà bố anh ở xã Th, huyện Đ, Thành phố Hà Nội. Vợ chồng chung sống hạnh phúc đến ngày 06/3/2018 âm lịch anh có sang nước Cộng hòa nhân dân Trung Quốc làm ăn thì chị H bỏ nhà đi vài ngày, sau đó chị H chuyển hẳn về nhà bố mẹ đẻ chị H sinh sống. Anh và chị H đã sống ly thân nhau kể từ ngày 29/3/2018 âm lịch đến nay. Anh nhiều lần động viên chị H về đoàn tụ nhưng chị H không đồng ý. Chị H xin ly hôn anh, anh mong muốn vợ chồng đoàn tụ để nuôi dạy con chung.

Về con chung: Anh và chị H có 01 con chung như chị H trình bày là đúng. Nếu phải ly hôn anh xin nuôi cháu D1 và không yêu cầu chị H cấp dưỡng nuôi con chung.

Quá trình anh và chị H là vợ chồng, chị H có 02 con riêng với người đàn ông khác như chị H trình bày là đúng. Gia đình anh đã đi giám định ADN của anh với cháu A, cháu L đều xác định giữa anh và cháu A, anh và cháu L đều không cùng huyết thống cha - con. Anh xác định cháu A, cháu L không phải là con anh nhưng anh vẫn chăm sóc cháu như chăm sóc cháu D1. Nếu phải ly hôn anh yêu cầu chị H nuôi dưỡng cháu A, cháu L và anh có nguyện vọng cấp dưỡng nuôi cháu A, cháu L nếu chị H yêu cầu.

Về tài sản chung, nợ: Không có.

Ngày 13/7/2018 anh D có đơn đề nghị Tòa án giải quyết vắng mặt anh tại phiên tòa và trình bày quan điểm đồng ý ly hôn chị H, các quan điểm khác anh giữ nguyên lời trình bày trong quá trình tham gia tố tụng tại Tòa án.

- Tại phiên tòa:

- Chị H trình bày: Năm 2009, chị và anh D được gia đình tổ chức lễ cưới, chị về chung sống cùng anh D đến năm 2010 thì anh D và chị mới đăng ký kết

hôn tại Ủy ban nhân dân xã Th. Tại phiên tòa hôm nay, chị vẫn giữ nguyên yêu cầu xin ly hôn anh D; đồng ý nguyện vọng của anh D xin được nuôi dưỡng cháu D1.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đan Phượng tại phiên tòa phát biểu quan điểm về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán kể từ khi thụ lý vụ án đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án là đúng quy định của pháp luật; việc cấp, tổng đạt các văn bản tố tụng cho đương sự, thu thập chứng cứ, tài liệu, thời hạn chuẩn bị xét xử được thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Tại phiên tòa Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa chấp hành đúng theo trình tự Bộ luật tố tụng dân sự quy định.

Về nội dung: Xét thấy mâu thuẫn giữa chị Trần Thị Thu H và anh Nguyễn Văn D đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được nên đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ các Điều 56, 58, 81, 82 và Điều 83 Luật hôn nhân gia đình cho chị H được ly hôn anh D. Về con chung, giao cho anh Nguyễn Văn D trực tiếp nuôi dưỡng cháu Nguyễn Tiến D1; anh Duẩn không yêu cầu chị H cấp dưỡng nuôi cháu D1 nên tạm hoãn việc cấp dưỡng nuôi con chung cho chị H đến khi có quyết định khác; chị H được quyền thăm nom con chung không ai được cản trở. Hai cháu Nguyễn Bảo L, Nguyễn Bảo A không phải là con chung của chị H và anh D; giao chị H trực tiếp nuôi dưỡng hai cháu L, cháu A là con riêng của chị H với người đàn ông khác.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng: Nguyên đơn chị Trần Thị Thu H có đơn khởi kiện xin ly hôn với anh Nguyễn Văn D có địa chỉ tại cụm 12, xã Th, huyện Đ, Thành phố Hà Nội, theo quy định của pháp luật thì đây là vụ án hôn nhân và gia đình thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Đan Phượng quy định tại các Điều 28, 35, 39 Bộ luật tố tụng dân sự. Quá trình giải quyết vụ án cả nguyên đơn, bị đơn đều xác định tài sản chung của vợ chồng không có nên Tòa án chỉ giải quyết hai mối quan hệ: ly hôn, nuôi con là có căn cứ và đúng pháp luật.

Bị đơn anh Nguyễn Văn D có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt. Do vậy, Tòa án nhân dân huyện Đan Phượng xét xử vắng mặt anh D là có căn cứ theo quy định tại khoản 1 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Xét yêu cầu khởi kiện của của chị H xin được ly hôn với anh D:

Hội đồng xét xử xét thấy: Chị H, anh D kết hôn ngày 10/6/2010, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Th trên cơ sở tự nguyện là hôn nhân hợp pháp. Sau khi kết hôn, chị H, anh D chung sống cùng nhau đến tháng 3/2018 âm lịch thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do chị H có 02 con riêng với người đàn ông khác, bố anh D biết đã không coi chị H là con dâu và là vợ anh D từ nhiều năm nay; kể từ khi có kết quả giám định ADN của anh D với cháu A, anh D với cháu L thì chị H và anh D thường xuyên xảy ra xô xát, cãi nhau. Chị H và anh D đã sống ly thân nhau kể từ ngày 29/3/2018 âm lịch đến nay. Chị H xin ly hôn, anh D đồng ý. Hội đồng xét xử xét thấy tình cảm giữa chị H và anh D mâu thuẫn

đã đến mức độ trầm trọng, đời sống chung không còn tồn tại, mục đích hôn nhân không đạt được nên chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị H và xử cho chị Trần Thị Thu H được ly hôn anh Nguyễn Văn D là phù hợp với quy định tại Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình.

[3] Về con chung:

Anh D xin được nuôi cháu Nguyễn Tiến D1. Hội đồng xét xử xét thấy: Cháu D1 đang sinh sống ổn định cùng anh D tại nhà bố đẻ anh D từ nhỏ đến nay; anh D có nguyện vọng xin nuôi cháu D1 và cháu D1 có nguyện vọng được ở cùng anh D; chị H đồng ý với nguyện vọng của cháu D1, anh D. Xét thấy sự thỏa thuận của chị H, anh D là tự nguyện. Do vậy, giao cho anh D trực tiếp nuôi dưỡng cháu D1 là phù hợp với quy định tại khoản 2 Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình.

Xét yêu cầu của anh D không yêu cầu chị H cấp dưỡng nuôi cháu D1 là tự nguyện nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[4] Về con riêng:

Anh D và chị H đều xác định 02 cháu Nguyễn Bảo L, sinh ngày 20/02/2016; Nguyễn Bảo A, sinh ngày 20/02/2016 không phải là con chung của chị H và anh D. Hội đồng xét xử xét thấy: Quá trình tham gia tố tụng anh D có xuất trình phiếu kết quả xét nghiệm ADN của anh D với cháu L và cháu A kết luận anh D với cháu A, cháu L đều không cùng huyết thống cha - con. Tuy nhiên phần ghi chú của phiếu xét nghiệm có ghi “Kết quả xét nghiệm không sử dụng trong tố tụng và thủ tục pháp lý”. Phía Công ty trách nhiệm hữu hạn LOCI ADN thực hiện giám định ADN có phúc đáp: Mẫu tóc của anh D, cháu L, cháu A do ông Nguyễn Chí L đem đến yêu cầu giám định không theo quy trình thực hiện giám định ADN nên tại phần ghi chú có ghi nội dung trên. Ngày 18/6/2018, Công ty trách nhiệm hữu hạn LOCI ADN đã trực tiếp lấy máu của anh D, cháu L, cháu A để thực hiện giám định ADN theo yêu cầu của chị H và Quyết định trưng cầu giám định của Tòa án. Ngày 19/6/2018, Công ty trách nhiệm hữu hạn LOCI ADN kết luận: “Người có mẫu ADN ký hiệu Nguyễn Văn D và người có mẫu ADN ký hiệu Nguyễn Bảo A không cùng quan hệ huyết thống cha - con”; “Người có mẫu ADN ký hiệu Nguyễn Văn D và người có mẫu ADN ký hiệu Nguyễn Bảo L không cùng quan hệ huyết thống cha - con”. Do vậy, Hội đồng xét xử có đủ cơ sở kết luận: Hai cháu Nguyễn Bảo L, sinh ngày 20/02/2016 và Nguyễn Bảo A, sinh ngày 20/02/2016 được sinh ra trong thời kỳ hôn nhân của anh D, chị H còn tồn tại không phải là con chung của anh D với chị H; cháu A, cháu L là con riêng của chị Trần Thị Thu H với người đàn ông khác. Do vậy, giao cháu Nguyễn Bảo A, cháu Nguyễn Bảo L cho chị H nuôi dưỡng là đúng quy định của pháp luật. Anh D và chị H có quyền và nghĩa vụ đến cơ quan Nhà nước có thẩm quyền thay đổi hộ tịch cho cháu Nguyễn Bảo L, cháu Nguyễn Bảo A.

[5] Về tài sản chung, nợ: Chị H, anh D đều xác định vợ chồng không có nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[6] Về chi phí tố tụng: Chị H tự nguyện chịu toàn bộ chi phí giám định ADN của Nguyễn Văn D với ADN của cháu Nguyễn Bảo L, ADN của Nguyễn Văn D

với ADN của cháu Nguyễn Bảo A là 7.000.000đ (Bảy triệu đồng). Xét yêu cầu của chị H là tự nguyện phù hợp với quy định tại Điều 5 Bộ luật tố tụng dân sự nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[7] Về án phí: Chị Trần Thị Thu H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 28, Điều 35, Điều 39, Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự.

Căn cứ vào Điều 56, Điều 57, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình.

Căn cứ Điều 26 Luật hộ tịch.

Tuyên xử:

1. Cho chị Trần Thị Thu H được ly hôn anh Nguyễn Văn D.

2. Về con chung: Chị Trần Thị Thu H và anh Nguyễn Văn D có 01 chung là cháu Nguyễn Tiến D1, sinh ngày 23/7/2010. Giao cháu Nguyễn Tiến D1 cho anh Nguyễn Văn D trực tiếp nuôi dưỡng đến khi 18 tuổi hoặc khi có quyết định khác của cơ quan có thẩm quyền. Anh Nguyễn Văn D không yêu cầu chị Trần Thị Thu H cấp dưỡng nuôi cháu Nguyễn Tiến D1, tạm hoãn nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung đối với chị H cho đến khi anh D có yêu cầu hoặc khi có quyết định khác của cơ quan Nhà nước có thẩm quyền. Chị H được quyền thăm nom con chung không ai được cản trở.

3. Về con riêng: Cháu Nguyễn Bảo L, sinh ngày 20/02/2016; Nguyễn Bảo A, sinh ngày 20/02/2016 không phải là con chung của chị Trần Thị Thu H với anh Nguyễn Văn D. Cháu Nguyễn Bảo L, cháu Nguyễn Bảo A là con riêng của chị Trần Thị Thu H với người đàn ông khác. Giao cho chị H trực tiếp nuôi dưỡng cháu Nguyễn Bảo L, Nguyễn Bảo A.

Anh D và chị H có quyền và nghĩa vụ đến cơ quan Nhà nước có thẩm quyền thay đổi hộ tịch cho cháu Nguyễn Bảo L, sinh ngày 20/02/2016 và Nguyễn Bảo A, sinh ngày 20/02/2016.

4. Về tài sản chung, nợ: Không có nên Hội đồng xét xử không phải giải quyết.

5. Về chi phí tố tụng: Chị Trần Thị Thu H tự nguyện chịu toàn bộ chi phí giám định ADN của Nguyễn Văn D với ADN của cháu Nguyễn Bảo L, ADN của Nguyễn Văn D với ADN của cháu Nguyễn Bảo A là 7.000.000đ (Bảy triệu đồng).

6. Căn cứ Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án: Chị Trần Thị Thu H phải chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) đã

nộp theo biên lai thu số 0010045 ngày 31/5/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đan Phượng, Thành phố Hà Nội.

7. Căn cứ Điều 271, Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự: Chị Trần Thị Thu H có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm; anh Nguyễn Văn D vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật ./.

Nơi nhận

- VKSND huyện Đan Phượng;
- Chi cục THADS huyện Đan Phượng;
- Các đương sự;
- Lưu.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

Trần Thị Thu

CÁC HỘI THẨM NHÂN DÂN

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

